

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28-02-2025

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Thế Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh; Ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Khởi Vinh là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 (Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- Bị đơn: Anh Ngô Minh L, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 04/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L chung sống đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân rất căng thẳng nên chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L không còn sống chung từ

tháng 6 năm 2024 đến nay. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài, chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Ngô Minh L.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L có 01 con chung là Ngô Duy V, sinh ngày 07/9/2015. Chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Ngô Duy V đến tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Ngô Minh L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn anh Ngô Minh L nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Nguyễn Thị T chấp hành đúng quy định của pháp luật; anh Ngô Minh L không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ngô Minh L.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Ngô Duy V, sinh ngày 07/9/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Ngô Minh L đóng góp tiền cấp dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tình yêu C Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Bị đơn là anh Ngô Minh L có nơi cư trú tại thôn Đ, xã

Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ngô Minh L vắng mặt lần thứ hai không lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Ngô Minh L vẫn không có mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L kết hôn ngày 09/12/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, sau khi kết hôn vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, vợ chồng anh chị đã không còn sống chung từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị Nguyễn Thị T không còn tình cảm với anh Ngô Minh L, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Minh L có 01 con chung là Ngô Duy V, sinh ngày 07/9/2015. Chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Ngô Duy V đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Ngô Minh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Ngô Duy V có nguyện vọng sống cùng chị Nguyễn Thị T. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là Ngô Duy V cho chị Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Ngô Minh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006028 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ngô Minh L.

2. Về con chung: Giao con chung là Ngô Duy V, sinh ngày 07/9/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Minh L có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006028 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Sắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vi Thế Nam
(đã ký)**